

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết về gói thầu và biện pháp chuẩn bị tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1	Hiểu biết về gói thầu	Hiểu biết đầy đủ, chi tiết	Đạt
		Không hiểu biết về gói thầu	Không đạt
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm: - Công trình tạm, máy móc, thiết bị thi công, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, giao thông, mặt bằng giải pháp cấp điện trong quá trình thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu; - Khu vực lán trại: Ban chỉ huy công trường, khu vực tập kết vật tư, vật liệu, ... Kèm bản vẽ bố trí mặt bằng tổ chức thi công hợp lý khả thi.	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	- Biện pháp bố trí mặt bằng tổng thể (<i>Lán trại; kho bãi tập kết vật tư, vật liệu; máy móc thiết bị thi công; cấp điện, cấp nước trong quá trình thi công</i>). - Biện pháp thi công toàn bộ các hạng	Có thuyết minh đầy đủ các hạng mục chi tiết theo bảng dữ liệu của HSMT phù hợp, khả thi và đề xuất rõ các thông số cụ thể theo tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ trong quá trình giám	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	mục công trình theo bản vẽ kèm theo.	sát, kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục chính: Đắp đất, thi công móng cấp phối đá dăm, thi công bê tông mặt đường, công tác tháo dỡ ván khuôn, cốt thép.	
		Không có thuyết minh hoặc có nhưng không phù hợp không khả thi hoặc không thuyết minh đầy đủ theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3	Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	<ul style="list-style-type: none"> - Kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại vật liệu chính (cát, xi măng, đá các loại, thép các loại ...) phù hợp với yêu cầu thiết kế và yêu cầu kỹ thuật. - Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu tại công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công. - Có phương án cung ứng vật tư, vật liệu đáp ứng được tiến độ thi công. 	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
3.1		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
3.2	Các vật tư, vật liệu: Cát, xi măng, gạch các loại, thép các loại, sơn các loại	- Có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu với đơn vị cung cấp và phù hợp với kê khai nguồn gốc vật tư, vật liệu.	Đạt
3.2		- Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
II	Tiến độ thi công		
1	Thời gian hoàn thành công trình tối đa 90 ngày; tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan; phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Có biểu đồ tiến độ thi công tổng thể, biểu đồ tiến độ thi công chi tiết phù hợp, khả thi.	Đạt
1		Tiến độ thi công không phù hợp không khả thi hoặc không có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết.	Không đạt
2	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ, đảm bảo hoàn thành công trình theo tiến độ	Có đề xuất biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi	Đạt
2		Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, khả thi	Không đạt
III	Tổ chức quản lý hiện trường		

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
1	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận.	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận, đội thi công	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng từng bộ phận, đội thi công.	Không đạt
IV	Các biện pháp đảm bảo chất lượng		
1	<p>Hệ thống quản lý chất lượng thi công:</p> <p>+ Lập sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia quản lý và triển khai thi công (bao gồm các nhân sự tại Bảng số 02 Mục 2 Chương III E-HSMT).</p> <p>+ Có cam kết của từng nhân sự (bao gồm các nhân sự tại Bảng số 02 Mục 2 Chương III E-HSMT) sẵn sàng đến làm việc, cung cấp bản gốc các tài liệu để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu nếu Bên mời thầu yêu cầu (trong cam kết có ghi rõ số điện thoại cá nhân, địa chỉ liên lạc của nhân sự) và sẵn sàng tham gia thực hiện gói thầu trong trường hợp nhà thầu trúng thầu (trừ trường hợp bất khả kháng).</p>	<p>- Có sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng thi công xây dựng rõ ràng và thuyết minh rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia quản lý và triển khai thi công</p> <p>- Có cam kết đầy đủ các nội dung của từng nhân sự.</p>	Đạt
		<p>- Không có hệ thống quản lý chất lượng thi công xây dựng/Hệ thống quản lý chất lượng thi công xây dựng không rõ ràng/Không thuyết minh rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia quản lý và triển khai thi công.</p> <p>- Không có cam kết/Không cam kết đầy đủ các nội dung.</p>	Không đạt
2	Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư đầu vào, công tác lưu kho, bảo quản vật liệu.	Có trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu.	Đạt
		Không trình bày biện pháp quản lý chất lượng vật liệu hoặc trình bày sơ sài các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu	Không đạt
3	Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho từng công tác thi công	Trình bày đầy đủ, khả thi đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không khả thi không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
4	Biện pháp, quy trình quản lý chất lượng thi công: chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu; lập phiếu yêu cầu nghiệm thu, nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; lập bản vẽ hoàn công	Trình bày đầy đủ, khả thi đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Không có biện pháp rõ ràng, Trình bày không đầy đủ, không khả thi không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
V	Đảm bảo vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình thi công:		
1	Vệ sinh môi trường: có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công. - Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh; - Đảm bảo trật tự, trị an trong quá trình xây dựng; - Hoàn trả mặt bằng, các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi thi công xong. - Nhà thầu có phương án chi tiết về bãi tập kết đổ thải đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công	Trình bày đầy đủ, khả thi đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không khả thi không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
2	Quản lý an toàn trên công trường: Thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho các công đoạn thi công; Phòng chống cháy nổ trong và ngoài công trường.	Trình bày đầy đủ, khả thi đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không khả thi không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
1	Có giải pháp bảo hành công trình hợp lý, cụ thể sau khi đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng và quy định + Có cam kết bảo hành công trình \geq 12 tháng	Có đề xuất công tác bảo hành thời gian \geq 12 tháng và có cam kết của nhà thầu trong quá trình bảo hành công trình.	Đạt
		Đề xuất công tác bảo hành thời gian $<$ 12 tháng hoặc không có cam kết của nhà thầu trong quá trình bảo hành công trình.	Không đạt
VII	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu		
1		Nhà thầu có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	<p>Từ năm 2022 đến nay: Nhà thầu không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</p>	<p>Thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p>	
		<p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p>	Chấp nhận được
		<p>Nhà thầu không có đầy đủ cam kết hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mà không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần (hoặc có nhưng nhỏ hơn 03 lần) giá trị yêu cầu trong E- HSMT trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.</p>	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.